

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Quý 4 năm 2008 - Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/12/2008)	Số đầu năm (01/01/2008)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.041.580.432.117	1.049.679.548.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		37.690.296.450	43.612.980.389
1. Tiền	111	V.01	37.690.296.450	43.612.980.389
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		900.423.774.001	895.800.089.112
1. Phải thu của khách hàng	131		58.936.791.883	92.755.324.649
2. Trả trước cho người bán	132		704.425.132.649	775.170.808.420
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	137.061.849.469	27.873.956.043
IV. Hàng tồn kho	140		99.181.921.849	94.074.085.485
1. Hàng tồn kho	141	V.04	99.181.921.849	94.074.085.485
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.284.439.817	16.192.393.944
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		192.230.334	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.531.750.259	11.251.741.924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.560.459.224	4.940.652.020
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		721.582.279.018	770.182.838.064
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		126.702.772.088	143.902.816.051
4. Phải thu dài hạn khác	218		126.702.772.088	143.902.816.051
II. Tài sản cố định	220		361.929.816.844	209.478.923.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	209.459.012.347	33.119.960.669
- Nguyên giá	222		250.812.707.909	63.239.372.920
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(41.353.695.562)	(30.119.412.251)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.139.726.993	0
- Nguyên giá	228		1.609.439.101	423.836.320
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(469.712.108)	(423.836.320)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	151.331.077.504	176.358.963.003
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		192.550.176.906	409.005.355.657
1. Đầu tư vào công ty con	251		153.927.221.388	278.013.136.017
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		76.129.220.000	138.166.729.601
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	6.517.000.000	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(44.023.264.482)	(7.174.509.961)
V. Tài sản dài hạn khác	260		40.399.513.180	7.795.742.684
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	39.612.772.238	6.999.514.905
3. Tài sản dài hạn khác	268		786.740.942	796.227.779
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		1.763.162.711.135	1.819.862.386.994

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008

Chỉ tiêu nguồn vốn	Mã số	TM	Số cuối kỳ (31/12/2008)	Số đầu năm (01/01/2008)
A. Nợ phải trả (300=310+320)	300		1.446.556.284.817	1.447.571.057.662
I. Nợ ngắn hạn	310		507.856.880.297	718.504.335.295
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	284.605.557.203	534.616.340.782
2. Phải trả người bán	312		52.586.686.671	56.690.077.813
3. Người mua trả tiền trước	313		39.512.938.146	25.658.031.992
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	312.484.598	1.621.309.296
5. Phải trả người lao động	315		1.557.760.422	1.586.923.307
6. Chi phí phải trả	316	V.17	89.197.399.217	19.413.462.538
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	40.084.054.040	77.553.186.146
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			0	1.365.003.421
II. Nợ dài hạn	330		938.699.404.520	729.066.722.367
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.499.814.560	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	937.006.933.689	728.978.299.009
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		192.656.271	88.423.358
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		316.606.426.318	372.291.329.332
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	311.076.269.262	369.537.879.574
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		320.000.000.000	320.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.725.000.000	2.725.000.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(17.943.040.000)	(17.943.040.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.040.947.680	1.040.947.680
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.040.641.881	1.961.993.283
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.212.719.701	61.752.978.611
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.530.157.056	2.753.449.758
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		5.530.157.056	2.753.449.758
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		1.763.162.711.135	1.819.862.386.994

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2009

NGƯỜI LẬP

(Đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Đã ký)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ Quý 4 năm 2008 (Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2008	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2007
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	40.970.502.798	43.129.095.691	226.619.148.980	366.102.075.550
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		134.109.633	0	288.004.715	0
3	D.thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40.836.393.165	43.129.095.691	226.331.144.265	366.102.075.550
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	38.075.772.930	38.460.533.526	204.012.778.250	313.890.602.519
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.760.620.235	4.668.562.165	22.318.366.015	52.211.473.031
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	34.398.036.403	13.310.028.979	35.201.938.278	22.262.142.417
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	30.986.742.164	11.840.864.422	85.322.916.298	26.769.974.811
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.932.252.790</i>	<i>9.921.832.512</i>	<i>47.915.721.328</i>	<i>18.623.534.392</i>
8	Chi phí bán hàng	24		427.487.726	65.559.404	1.284.078.123	414.910.768
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.068.305.459	4.759.245.548	18.750.786.216	16.217.992.991
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.676.121.289	1.312.921.770	(47.837.476.344)	31.070.736.878
11	Thu nhập khác	31		12.050.666.367	33.747.215.131	72.121.133.637	55.793.718.424
12	Chi phí khác	32		8.725.176.710	13.644.263.201	29.617.238.462	23.524.032.086
13	Lợi nhuận khác	40		3.325.489.657	20.102.951.930	42.503.895.175	32.269.686.338
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.001.610.946	21.415.873.700	(5.333.581.169)	63.340.423.216
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	-	1.415.691.342	245.804.007	1.415.691.342
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	0	-	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.001.610.946	20.000.182.358	(5.579.385.176)	61.924.731.874
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2009

NGƯỜI LẬP
(Đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Đã ký)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008

Mẫu số B 03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 năm 2008 (Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			(Từ 01/01/2008 đến 31/12/2008)	(Từ 01/01/2007 đến 31/12/2007)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		300.232.420.603	365.544.453.552
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	2		(319.951.893.403)	(436.122.537.293)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(8.951.667.402)	(4.404.280.218)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(47.915.721.328)	(18.623.534.392)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(245.804.007)	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		376.269.483.403	190.778.379.501
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(165.376.358.034)	(163.149.674.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		134.060.459.832	(65.977.193.170)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(286.961.694.384)	(664.025.655.983)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		648.630.900	490.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.644.100.000)	(227.916.146.118)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		219.686.801.891	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.520.144.178	1.728.402.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(68.750.217.415)	(888.923.218.111)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	151.051.040.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP đã phát hành	32		0	(17.943.040.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		672.541.362.069	1.247.583.115.340
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(712.936.852.202)	(400.995.726.657)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.906.620.000)	(9.610.816.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71.302.110.133)	970.084.571.785

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.991.867.716)	15.184.160.504
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		43.612.980.389	28.450.997.606
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		69.183.777	(22.177.721)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	37.690.296.450	43.612.980.389

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2009

NGƯỜI LẬP

(Đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Đã ký)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng